

# THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG TRẺ TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHÂU NGUYỄN THÙY DUNG\*

Ngày nhận bài: 15/08/2017; ngày sửa chữa: 28/08/2017; ngày duyệt đăng: 31/08/2017.

**Abstract:** Children care is one of important activities at preschools which affects directly to holistic development of children. Children care activity is mentioned in the article in terms of health care and children's safety insurance; sanitation care, sleep care and the nutrition care for children. The article presents the survey results of the reality of children care in private preschools in Binh Thanh District, Ho Chi Minh City. The research results can be seen as the practical bases to propose measures to improve quality of children care at the preschools.

**Keywords:** Children care, private preschools, kindergartens, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City.

## 1. Đặt vấn đề

Chăm sóc nuôi dưỡng trẻ (CSNDT) tại các trường mầm non nói chung và trường mầm non ngoài công lập nói riêng có tác động trực tiếp đến sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non. Chất lượng CSNDT ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của nhà trường. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các trường mầm non ngoài công lập, vì uy tín và thương hiệu này sẽ giúp cho nhà trường tồn tại và phát triển bền vững. Hoạt động CSNDT tại các trường mầm non gồm có 04 nội dung: Chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ [1]. Việc CSNDT được tiến hành thông qua các hoạt động theo quy định của chương trình giáo dục mầm non.

Bài viết trình bày kết quả khảo sát thực trạng hoạt động CSNDT tại các trường mầm non ngoài công lập quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động CSNDT, góp phần xây dựng uy tín của trường mầm non ngoài công lập, giúp cho trường tồn tại và phát triển bền vững.

## 2. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

**2.1. Mục tiêu khảo sát:** Nhằm làm rõ thực trạng hoạt động CSNDT tại các trường mầm non ngoài công lập trên địa bàn quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

**2.2. Nội dung khảo sát:** 1) Khảo sát nhận thức của cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV) trường mầm non ngoài công lập, phụ huynh học sinh (PHHS) về tầm quan trọng của hoạt động CSNDT tại trường mầm non; 2) Khảo sát thực trạng hoạt động CSNDT (chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ).

**2.3. Thời gian và địa bàn khảo sát:** Khảo sát được tiến hành vào thời điểm tháng 6/2017 tại 6 trường mầm non ngoài công lập ở quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, bao gồm: Ánh Sao, Mai Linh, Thiên Anh, Mỹ Đức, Hoa Hồng, Việt Mỹ Úc.

**2.4. Đối tượng khảo sát:** 233 người, trong đó có 13 CBQL (6 hiệu trưởng, 7 phó hiệu trưởng), 65 GV (trong đó có 12 tổ trưởng chuyên môn), 17 NV đang công tác tại 6 trường mầm non ngoài công lập nói trên, 138 PHHS tại 6 trường này.

## 2.5. Phương pháp khảo sát:

- **Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi:** Đối tượng khảo sát được yêu cầu trả lời các câu hỏi với các mức độ theo thang điểm được quy ước cụ thể như sau: 1 điểm - Hoàn toàn không đồng ý/ Kém; 2 điểm - Không đồng ý/ Yếu; 3 điểm - Phân vân/ Trung bình; 4 điểm - Đồng ý/ Khá; 5 điểm - Hoàn toàn đồng ý/ Tốt. Điểm trung bình được chia ra 5 mức độ: 1-1,80 điểm: Hoàn toàn không đồng ý/ Kém; 1,81-2,60 điểm: Không đồng ý/ Yếu; 2,61-3,40 điểm: Phân vân/ Trung bình; 3,41-4,20 điểm: Đồng ý/ Khá; 4,21-5 điểm: Hoàn toàn đồng ý/ Tốt.

- **Phương pháp phỏng vấn sâu:** Phương pháp này được tiến hành nhằm làm rõ hơn kết quả thu nhận từ bảng hỏi. Đối tượng phỏng vấn gồm 6 CBQL, 6 GV, 6 NV và 6 PHHS.

- **Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động:** Nghiên cứu các văn bản, hồ sơ có liên quan đến hoạt động CSNDT tại 6 trường mầm non ngoài công lập được khảo sát và hồ sơ của Phòng GD-ĐT, bao gồm: Hồ sơ sổ sách về quản lý công tác CSNDT trong năm học 2016-2017; Kế hoạch

\* Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

năm học 2016-2017; Báo cáo sơ kết học kì 1 năm học 2016-2017 của 6 trường; Báo cáo tổng kết năm học 2016-2017 của Phòng GD-ĐT; Hồ sơ kiểm tra cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập năm học 2016-2017 của Phòng GD-ĐT.

### 3. Kết quả khảo sát

**3.1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV, NV, PHHS trường mầm non ngoài công lập quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của hoạt động CSNDT tại trường mầm non.** Nội dung này được tiến hành khảo sát với 5 mức độ đánh giá từ cao xuống thấp, cụ thể là: Hoàn toàn đồng ý; đồng ý; phân vân; không đồng ý; hoàn toàn không đồng ý. Kết quả cụ thể như sau (bảng 1):

Bảng 1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV, NV và PHHS về tầm quan trọng của hoạt động CSNDT tại trường mầm non

STT	Tầm quan trọng của hoạt động CSNDT tại trường mầm non	Mức độ đồng ý của CBQL, GV, NV			Mức độ đồng ý của PHHS		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Hoạt động CSNDT là hoạt động trọng tâm của GV mầm non	4,05	0,94	4	4,47	0,88	1
2	Hoạt động CSNDT ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục của trường mầm non	4,11	0,86	3	4,45	0,98	2
3	Hoạt động CSNDT ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện nhân cách của trẻ mầm non	4,25	0,82	2	4,40	1,02	3
4	Hoạt động CSNDT ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của trường mầm non	4,42	0,97	1	4,28	1,16	4
Chung		4,21	0,90		4,40	1,01	

Chú thích: ĐTB: điểm trung bình, ĐLC: độ lệch chuẩn, XH: xếp hạng

Bảng 1 cho thấy: PHHS có nhận thức cao hơn CBQL, GV và NV về tầm quan trọng của hoạt động CSNDT tại trường mầm non. Cụ thể là:

- PHHS đánh giá ở mức độ “hoàn toàn đồng ý” với ĐTB chung là 4,40. Tuy nhiên, ở từng nội dung có độ chênh lệch nhất định: *Hoạt động CSNDT là hoạt động trọng tâm của GV mầm non* (4,47 điểm): xếp hạng 1; *Hoạt động CSNDT ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục của trường mầm non* (4,45 điểm): xếp hạng 2; *Hoạt động CSNDT ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện nhân cách của trẻ mầm non* (4,40 điểm): xếp hạng 3; *Hoạt động CSNDT ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của trường mầm non* (4,28 điểm): xếp hạng 4.

- CBQL, GV, NV đánh giá ở 2 mức độ “hoàn toàn đồng ý” và “đồng ý” với ĐTB chung là 4,21; mức độ phân tán của các câu trả lời khá cao qua ĐLC là 0,90. Các nội dung được đánh giá ở mức độ “hoàn toàn đồng ý” có ĐTB và XH từ cao xuống thấp là: *Hoạt động CSNDT ảnh hưởng đến uy tín và*

*thương hiệu của trường mầm non* (4,42 điểm): Xếp hạng 1; *Hoạt động CSNDT ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện nhân cách của trẻ mầm non* (4,25 điểm): xếp hạng 2. Các nội dung được đánh giá ở mức độ “đồng ý” có ĐTB và XH như sau: *Hoạt động CSNDT ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục của trường mầm non* (4,11 điểm): xếp hạng 3; *Hoạt động CSNDT là hoạt động trọng tâm của GV mầm non* (4,05 điểm): xếp hạng 4.

Như vậy, đối tượng khảo sát đều có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động CSNDT trong trường mầm non.

**3.2. Thực trạng thực hiện các nội dung trong hoạt động CSNDT tại trường mầm non ngoài công lập quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.** Đối tượng khảo sát đánh giá việc thực hiện từng nội dung quản lí theo các mức độ: tốt, khá, trung bình, yếu, kém. Cụ thể như sau:

**3.2.1. Thực trạng hoạt động chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ (bảng 2):**

Bảng 2. Thực trạng hoạt động chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ theo đánh giá của CBQL, GV, NV và PHHS được khảo sát

STT	Chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ	Đánh giá của CBQL, GV, NV			Đánh giá của PHHS		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Khám sức khỏe định kì, cân đo, phân loại tình trạng dinh dưỡng của trẻ	4,59	0,63	1	4,34	1,20	1
2	Chăm sóc khi trẻ bệnh	4,57	0,69	2	3,97	1,18	4
3	Xử lí các tình huống phát sinh trong quá trình trẻ sinh hoạt tại trường	4,54	0,77	3	4,30	1,01	2
4	Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp cho trẻ	4,31	0,88	4	4,08	1,23	3
Chung		4,50	0,74		4,17	1,15	

Bảng 2 cho thấy, CBQL, GV và NV đánh giá hoạt động chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ ở mức độ “tốt” với ĐTB chung là 4,50. Các câu trả lời khá tập trung, có sự phân tán nhưng không nhiều với ĐLC là 0,74. Mặc dù vậy, từng nội dung lại có sự chênh lệch, cụ thể: *Khám sức khỏe định kì, cân đo phân loại tình trạng dinh dưỡng cho trẻ* (4,59 điểm): xếp hạng 1; *Chăm sóc khi trẻ bệnh* (4,57 điểm): xếp hạng 2; *Xử lí các tình huống phát sinh trong quá trình trẻ sinh hoạt tại trường* (4,54 điểm): xếp hạng 3; *Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp cho trẻ* (4,31 điểm): xếp hạng 4.

So sánh với đánh giá của PHHS, nội dung “*Khám sức khỏe định kì, cân đo phân loại tình trạng dinh dưỡng của trẻ*” cũng được PHHS đánh giá mức độ thực hiện “tốt” và xếp hạng 1. Tuy nhiên, đối với nội dung “*Chăm sóc khi trẻ bệnh*” và “*Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp cho trẻ*” có sự chênh lệch ở mức độ đánh giá và xếp hạng giữa đối tượng CBQL, GV, NV với đối tượng PHHS.

Kết quả khảo sát từ bảng hỏi được làm rõ hơn bằng kết quả phỏng vấn sâu. Đối với nội dung “*Chăm sóc khi trẻ bệnh*”, có 14/18 CBQL, GV, NV cho rằng, GV đã “thực hiện tốt”. Tuy nhiên, 4/6 PHHS trả lời đạt ở mức độ “khá” và cho rằng “việc nhà trường báo ngay cho phụ huynh khi trẻ bị ốm tại trường chưa thực sự là cách giải quyết tốt nhất”. Như vậy, nhà trường cần tăng cường tuyên truyền cho PHHS hiểu rõ về việc thực hiện các quy định theo văn bản chỉ đạo của cấp trên, giúp họ hiểu được nguyên tắc và quy trình chăm sóc trẻ bị ốm tại trường để nhận được sự đồng thuận và phối hợp tốt của PHHS.

3.2.2. *Thực trạng hoạt động chăm sóc vệ sinh cho trẻ (bảng 3):*

*Bảng 3. Thực trạng hoạt động chăm sóc vệ sinh cho trẻ tại 6 trường mầm non theo đánh giá của CBQL, GV, NV và PHHS được khảo sát*

STT	Hoạt động chăm sóc vệ sinh cho trẻ	Đánh giá của CBQL, GV, NV			Đánh giá của PHHS		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Chăm sóc vệ sinh cá nhân	4,46	0,68	1	4,38	1,17	1
2	Chăm sóc vệ sinh phòng lớp, đồ dùng, đồ chơi và môi trường xung quanh	4,42	0,72	2	4,17	1,28	2
	Chung	4,44	0,7		4,27	1,10	

*Bảng 3* cho thấy, đối tượng CBQL, GV, NV đều đánh giá mức độ thực hiện các nội dung đạt “tốt” với ĐTB chung là 4,44. Tuy nhiên, với đối tượng PHHS, đánh giá mức độ thực hiện nội dung 1 là “Tốt” và nội dung 2 là “Khá”, mặc dù ĐTB chung vẫn đạt ở mức đánh giá “tốt” (4,27 điểm), ĐLC cao (1,10) cho thấy có sự phân tán trong các câu trả lời từ phía PHHS.

Nghiên cứu *Hồ sơ kiểm tra cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập năm học 2016-2017 của Phòng GD-ĐT quận Bình Thạnh* cho thấy những ghi nhận kết quả kiểm tra của Phòng GD-ĐT tại một số trường mầm non ngoài công lập là “việc thực hiện vệ sinh phòng lớp, môi trường xung quanh chưa được thực hiện thường xuyên, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường cho trẻ sinh hoạt vui chơi và học tập”.

3.2.3. *Thực trạng hoạt động chăm sóc giấc ngủ cho trẻ (bảng 4):*

*Bảng 4. Thực trạng hoạt động chăm sóc giấc ngủ cho trẻ tại 6 trường mầm non theo đánh giá của CBQL, GV, NV và PHHS được khảo sát*

STT	Hoạt động chăm sóc giấc ngủ cho trẻ	Đánh giá của CBQL, GV, NV			Đánh giá của PHHS		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Chuẩn bị giờ ngủ cho trẻ	4,49	0,73	3	4,47	0,94	2
2	Đảm bảo thời gian ngủ cho trẻ	4,54	0,68	2	4,10	1,23	3
3	Đảm bảo chất lượng giờ ngủ cho trẻ	4,59	0,63	1	4,54	0,83	1
	Chung	4,54	0,68		4,37	1,00	

*Bảng 4* cho thấy, các nội dung chăm sóc giấc ngủ cho trẻ được CBQL, GV, NV đánh giá ở mức độ “tốt” với ĐTB chung 4,54; các câu trả lời thể hiện sự tập trung, ít có sự phân tán, ĐLC không cao. Trong 3 nội dung khảo sát về chăm sóc giấc ngủ cho trẻ, nội dung “*Đảm bảo chất lượng giờ ngủ cho trẻ*” được đánh giá mức độ thực hiện tốt nhất (4,59 điểm).

Cũng với mức đánh giá chung là “tốt” cho hoạt động chăm sóc giấc ngủ với ĐTB chung là 4,37 nhưng phân tích từng nội dung bên trong có sự phân biệt giữa 2 mức độ “tốt” và “khá” đối với PHHS. Mức độ phân tán giữa các câu trả lời khá cao thể hiện qua độ lệch chuẩn là 1. Cụ thể: *Đảm bảo chất lượng giờ ngủ cho trẻ* (4,54 điểm): xếp hạng 1; *Chuẩn bị giờ ngủ cho trẻ* (4,47 điểm): xếp hạng 2; *Đảm bảo thời gian ngủ cho trẻ* (4,10 điểm): xếp hạng 3.

3.2.4. *Thực trạng hoạt động chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ (bảng 5):*

*Bảng 5. Thực trạng hoạt động chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ tại 6 trường mầm non theo đánh giá của CBQL, GV, NV và PHHS được khảo sát*

STT	Hoạt động chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ	Đánh giá của CBQL, GV, NV			Đánh giá của PHHS		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Xây dựng thực đơn phong phú, phù hợp độ tuổi, đủ khẩu phần dinh dưỡng theo quy định	4,48	0,76	6	4,46	0,85	5
2	Thực phẩm đảm bảo an toàn và chất lượng	4,51	0,70	3	4,50	0,69	3
3	Chế biến món ăn ngon, duy trì các chất dinh dưỡng có trong thực phẩm	4,49	0,73	5	4,41	0,83	7
4	Phân chia thức ăn cho trẻ, đảm bảo đủ số lượng theo quy định	4,54	0,68	2	4,55	0,69	1
5	Chuẩn bị giờ ăn tại các lớp	4,59	0,63	1	4,43	0,78	6
6	Tạo không khí vui vẻ, thoải mái, kích thích nhu cầu ăn uống của trẻ	4,51	0,71	3	4,47	0,79	4
7	Đảm bảo trẻ ăn hết suất, đủ calo trong ngày theo quy định ở từng độ tuổi	4,44	0,75	7	4,55	0,69	1
	Chung	4,50	0,70		4,48	0,76	

*Bảng 5* cho thấy, tất cả các nội dung đều được CBQL, GV, NV và PHHS đánh giá ở mức “tốt”, trong đó nội dung “Chuẩn bị giờ ăn tại các lớp” được CBQL, GV, NV đánh giá cao nhất với 4,59 điểm; 2 nội dung “Phân chia thức ăn cho trẻ, đảm bảo đủ số lượng theo quy định” và “Đảm bảo trẻ ăn hết suất, đủ calo trong ngày theo quy định ở từng độ tuổi” được PHHS đánh giá cao nhất với 4,55 điểm. ĐTB ở các nội dung chênh lệch nhau không nhiều.

Qua phỏng vấn sâu các đối tượng cho thấy, 15/24 ý kiến cho rằng “*Hoạt động chăm sóc dinh dưỡng tại các trường mầm non được GV, NV thực hiện tốt ở tất cả các nội dung, 9/24 ý kiến cho biết chỉ ở mức độ khá do một số trường chưa đảm bảo số lượng thực phẩm theo định mức*”. Như vậy,

(Xem tiếp trang 20)

xóa bỏ các phong tục, hủ tục lạc hậu còn rơi rớt ở một số DTTS; tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng để “Xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trong các DTTS, có chính sách khuyến khích họ trở về công tác tại địa phương” [7] ở các huyện miền núi Thanh Hóa. Đẩy mạnh và thực hiện tốt công tác xóa đói, giảm nghèo vùng DTTS, giảm tỉ lệ hộ nghèo ở miền núi Thanh Hóa nói chung, hộ nghèo là người DTTS nói riêng, gắn kết với việc đảm bảo an sinh xã hội cho vùng DTTS ở miền núi Thanh Hóa.

Gắn liền với công tác xóa đói, giảm nghèo, từng bước giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho đồng bào người DTTS trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới ở miền núi; khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại và thu hút mạnh các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, dịch vụ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào DTTS và tập trung giải quyết tình trạng du canh, du cư, di cư tự do.

Thực hiện tốt công tác y tế, chăm sóc sức khỏe và đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao. Trong đó, tiếp tục tăng cường nhân lực y tế cho khu vực miền núi, đặc biệt là các huyện biên giới xa xôi để không ngừng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở các tuyến xã và huyện miền núi, phục vụ trực tiếp cho đồng bào các DTTS; góp phần nâng cao chất lượng NNL các DTTS trước mắt và lâu dài.

**3.5. Giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự khu vực miền núi nơi đồng bào các DTTS sinh sống.** Thực hiện tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức chính trị và định hướng XHCN cho các dân tộc ở tỉnh Thanh Hóa, đặc biệt là các DTTS. Thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội trong khuôn khổ của pháp luật để tạo động lực thúc đẩy phát triển những tiềm năng, những năng lực của các DTTS ở Thanh Hóa. Đồng thời, đấu tranh có hiệu quả làm triệt tiêu mọi âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo để kích động quần chúng, nhất là đồng bào DTTS nhằm chống Đảng, chống chính quyền, chống chế độ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất trật tự, an ninh ở khu vực miền núi, biên giới, nơi đồng bào DTTS sinh sống.

\*\*\*

Quá trình phát triển NNL các DTTS phải là kết quả của việc thực hiện đồng bộ những giải pháp nói trên và trong hệ thống các giải pháp đó, thì hoạt động GD-ĐT có vai trò rất quan trọng, cấp thiết nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, tạo ra đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế, xã hội, công nhân kỹ thuật và nhân viên nghiệp vụ lành nghề để xây dựng và phát triển miền núi, vùng DTTS, đưa các DTTS nhanh chóng tiến lên, hòa nhập vào công cuộc đổi mới, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Tổ quốc

Việt Nam XHCN dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1], [6] Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật; tr 100, tr 106.
- [2], [3], [4] Cục thống kê tỉnh Thanh Hóa (2015). *Niên giám thống kê 2014*. NXB Thống kê.
- [5] Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng, tr 238, tr 228, tr 296.
- [7] Đảng Cộng Sản Việt Nam (2014). *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương khóa XI*. Văn phòng Trung ương Đảng; tr 61.

## Thực trạng hoạt động chăm sóc...

(Tiếp theo trang 3)

kết quả phỏng vấn sâu thống nhất tương đối với kết quả khảo sát bằng bảng hỏi.

#### 4. Kết luận

Kết quả khảo sát 233 CBQL, GV, NV và PHHS về thực trạng hoạt động CSNDT tại các trường mầm non ngoài công lập ở quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh cho thấy, các đối tượng khảo sát đánh giá hoạt động CSNDT cơ bản đạt mức độ tốt. Tuy nhiên, phân tích số liệu cụ thể từng nội dung thì cho thấy những ưu điểm và hạn chế nhất định. Công tác *Khám sức khỏe định kỳ, cân đo phân loại tình trạng dinh dưỡng của trẻ, chăm sóc vệ sinh cá nhân, chuẩn bị giờ ngủ cho trẻ, đảm bảo chất lượng giờ ngủ cho trẻ* được đánh giá tốt. Công tác *chăm sóc vệ sinh phòng lớp, đồ dùng, đồ chơi và môi trường xung quanh, chăm sóc dinh dưỡng, đảm bảo thời gian ngủ của trẻ* mặc dù với kết quả bảng hỏi đạt từ khá trở lên nhưng qua kết quả phỏng vấn sâu kết hợp với nghiên cứu sản phẩm hoạt động cho thấy mức độ thực hiện các nội dung này tại các trường mầm non ngoài công lập chưa thực sự tốt. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2008). *Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về Ban hành Điều lệ trường mầm non*.
- [2] Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2009). *Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về Ban hành Chương trình giáo dục mầm non*.
- [4] Nguyễn Lộc (2010). *Lí luận về quản lí*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Nguyễn Trọng An (2009). *Nâng cao vai trò của các tổ chức đoàn thể và cộng đồng đối với công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em*. Tạp chí Lao động - Xã hội, số 359, tr 17-18.